

Số: 30/KH-MNDB

Đại Bình, ngày 22 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDĐT, ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh Quyết định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ tình hình thực tế tại của địa phương và đặc điểm của trẻ. Trường Mầm non Đại Bình xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA NHÀ TRƯỜNG, ĐỊA PHƯƠNG

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết là Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Xã Đại Bình là xã thuộc vùng ven biển, nằm cách trung tâm huyện Đàm Hà 4km. Nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu là nông dân. Những năm gần đây, được sự quan tâm của các cấp, việc mạnh dạn thay đổi cơ cấu con giống vật nuôi cây trồng đã giúp đời sống nhân dân phát triển khá. Công tác xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa... triển khai đạt hiệu quả cao; tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Cơ cấu kinh tế tiếp tục duy trì theo hướng đa dạng với điều kiện của địa phương, đã khai thác có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh đó là nông nghiệp và ngư nghiệp, các vấn đề xã hội được

quan tâm giải quyết, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; hiện tại xã có 697 hộ dân với số dân là 2518 nhân khẩu. Hiện nay, trên địa bàn xã có 1 trường mầm non công lập và 01 trường TH-THCS.

Trường MN Đại Bình luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương.

1.2. Thách thức

- Dân số xã Đại Bình ít do đó tỷ lệ trẻ 0-5 tuổi trên địa bàn xã hàng năm giảm đi, duy trì số lớp không ổn định, do cha mẹ trẻ đi làm nơi khác nên phải theo bố mẹ đi học trái tuyến nơi khác nên số trẻ đi học tại trường hàng năm không đạt kế hoạch đề ra, mặt khác mức sống của người dân chủ yếu dựa vào phát triển kinh tế nông nghiệp và ngư nghiệp. Suy nghĩ của một số gia đình về việc cho con cháu độ tuổi nhà trẻ ra lớp chưa thực sự đồng thuận theo văn bản chỉ đạo của các cấp, còn biện luận nhiều về lí do chưa thể cho trẻ nhà trẻ.

- Công tác tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên về CNTT và chuyên đổi mới có mặt còn hạn chế, nhất là trong thiết kế bài giảng điện tử để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN để góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn xã Đại Bình nói riêng và huyện Đầm Hà nói chung.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh

Trong những năm qua trường Mầm non Đại Bình luôn thực hiện theo chức năng, quyền hạn của nhà trường theo Điều lệ trường Mầm non. Tháng 1/2020 trường được Sở giáo dục ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận trường Mầm non đạt chất lượng giáo dục cấp độ 2 và công nhận và cấp bằng công nhận trường Mầm non đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

Tổ chức và quản lý nhà trường

- Trường có Hội đồng trường, hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng; có hội đồng thi đua, hội đồng kỷ luật, có chi bộ độc lập, có tổ chức Công đoàn và chi đoàn Thanh niên, có 2 tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường MN và quy định của pháp luật.

- Có tầm nhìn khoa học, sáng tạo có ý thức cầu thị. Ban giám hiệu được sự tín nhiệm, ủng hộ của giáo viên, nhân viên nhà trường; dám chịu trách nhiệm; có ý thức tập thể, trách nhiệm với công việc khách quan, công bằng với đội ngũ; luôn chăm lo tinh thần, vật chất cho đội ngũ; xây dựng tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, phát huy trí tuệ tập thể

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và CBQL

- Tổng số CBQL, GV, NV: 18.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên: đủ theo quy định, đạt chuẩn 100%.

- Tập thể đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau; nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, có tinh thần xây dựng nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Cơ sở vật chất và thiết bị đồ dùng, đồ chơi

- Nhà trường có cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang, hiện đại, đảm bảo môi trường an toàn, thân thiện sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Các lớp có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, học liệu theo quy định đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ, phù hợp với phương pháp giáo dục, điều kiện văn hóa của địa phương và khả năng nhu cầu của trẻ.

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Nhà trường có Ban đại diện CMHS của nhà trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ của lớp. Ban Ban đại diện CMHS được tổ chức và hoạt động theo 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Nhà trường nhận được sự đồng thuận cao của các bậc phụ huynh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

- Trẻ được theo dõi sức khỏe theo định kỳ. Trẻ được học 2 buổi/ngày và được ăn bán trú.

- Thực hiện tốt Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD-ĐT. Nhà trường tích cực đưa phương pháp giáo dục tiên tiến vào giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ chuẩn bị tâm thế cho trẻ năm tuổi vào lớp 1. Trẻ được đánh giá các lĩnh vực đạt: Nhà trẻ từ 91% trở lên; mẫu giáo đạt 95% trở lên.

Huy động và sử dụng các nguồn lực

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các cấp, phụ huynh và nhân dân.

2.2. Điểm yếu

- Trường có 2 điểm trường việc quản lý con người và thực hiện chuyên môn, phong trào còn gặp nhiều khó khăn. Một số kế hoạch dài hạn và kế hoạch phối hợp đôi lúc xây dựng còn bị trùng lặp.

- Năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều. Một số giáo viên khả năng cập nhật các văn bản mới chậm, thiếu sự năng động, khả năng ứng dụng CNTT trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ còn hạn chế.

- Thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định đã hỏng nhiều, kinh phí không đủ để mua bổ sung đầy đủ số lượng thiết bị theo quy định.

- Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc cho trẻ ra lớp ở độ tuổi nhà trẻ.

- Công tác XHH và huy động các nguồn lực còn gặp khó khăn, chưa huy động được nhiều

3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

3.1. Tầm nhìn

Phần đầu xây dựng Trường Mầm non Đại Bình trở thành ngôi trường xanh - sạch - đẹp, phát triển toàn diện là trung tâm giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để nhân dân gửi gắm con em mình.

3.2. Sứ mệnh

Xây dựng trường mầm non “lấy trẻ làm trung tâm, trường học hạnh phúc”, triển khai và thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non nhằm góp phần phát triển toàn diện cho trẻ về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm - kĩ năng xã hội và thẩm mỹ. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, năng động và sáng tạo.

3.3. Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương châm “Bỏ áp lực thành tích - Mang đến điều con thích”.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, *tự tin, hạnh phúc, sáng tạo, hợp tác làm việc nhóm, có lòng yêu thương và biết ơn cuộc sống*, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; *làm quen với các phương tiện công nghệ hiện đại theo nhu cầu, khả năng của trẻ*; đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

A. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

1. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

a. Phát triển thể chất

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b. Phát triển nhận thức

Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

Có sự nhạy cảm của các giác quan.

Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

c. Phát triển ngôn ngữ

Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

Hồn nhiên trong giao tiếp.

d. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của trường.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ

*** Nhà trẻ:**

+ Trẻ 18 - 24 tháng tuổi: Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 12-24 tháng tuổi	
Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính

50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ
--------------	--------------

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi: Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi	
Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

*** NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

1. Tổ chức ăn

Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại trường: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần.

+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 lít - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

Vệ sinh cá nhân.

Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng. Đảm bảo an toàn cho trẻ và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

1. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào trường tiểu học.

a. Phát triển thể chất

Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

Có một số tổ chức vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân

b. Phát triển nhận thức

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c. Phát triển ngôn ngữ

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

d. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

Có ý thức về bản thân.

Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

d. Phát triển thẩm mỹ

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

2. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng tại trường. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của đơn vị.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chế độ sinh hoạt

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày tại trường một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

+ *Trẻ mẫu giáo: Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Ngủ: 1 giấc trưa*

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

*** NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại trường: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Nhà trường thường xuyên thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn để tăng phần hứng thú, giúp trẻ tự giác xúc cơm, ăn ngon miệng, ăn hết suất như : Tổ chức ăn bữa cơm gia đình (sử dụng đồ dùng bằng sứ, sử dụng nĩa...) cho trẻ ở khối MG Lớn; ăn cơm khay, ăn cải thiện cho MG Nhỡ và Lớn vào thứ 6 cuối tuần, cuối tháng; tổ chức cho trẻ ăn Buffet nhân dịp các ngày lễ, vui hội...

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

Vệ sinh cá nhân.

Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

2. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

Phòng tránh các bệnh thường gặp, theo dõi tiêm chủng. Đẩy mạnh tuyên truyền với CMHS công tác tiêm Vắcxin Covid-19 cho trẻ 5 tuổi tại nhà trường.

Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

* NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

1. Nhóm trẻ 18 - 24 tháng

MỤC TIÊU		NỘI DUNG
I. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe		
MT1	MT1: -Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 8,8 - 13,7 kg (trẻ 18 tháng); 9,7 - 15,3 kg (trẻ 24 tháng). . Trẻ gái: 8,1 - 13,2 kg (trẻ 18 tháng); 9,1 - 14,8 kg (trẻ 24	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kì 2 lần/ năm - Cân 3 tháng/lần. - Đo 3 tháng/lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo mẫu sổ quy định trong TT số 13/TTT-BYT-BGD ĐT ngày 12/5/2016.

	<p>tháng).</p> <p>+ Chiều cao bình thường:</p> <p>. Trẻ trai: 76,9 - 87,7 cm (trẻ 18 tháng); 81,7 - 93,9 cm (trẻ 24 tháng).</p> <p>. Trẻ gái: 74,9 - 86,5 cm (trẻ 18 tháng); 80,0 - 92,9 cm (trẻ 24 tháng).</p> <p><i>* Trẻ béo phì.</i></p> <p><i>* Trẻ thấp còi.</i></p> <p><i>* Trẻ suy dinh dưỡng.</i></p>	<p><i>- Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.</i></p> <p><i>- Phối hợp với nhà trường và CMHS thực hiện hiệu quả đề án “Sữa học đường” cho trẻ.</i></p>
MT2	<p>- Trẻ được ăn theo chế độ, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- Trẻ ăn hai bữa chính, 01 bữa phụ.</p> <p>- Trẻ làm quen với chế độ ăn cơm và các loại ăn khác nhau.</p> <p>* Chế độ ăn:</p> <p>- 18- 24 tháng: Cơm nát + sữa mẹ.</p> <p>+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930-1000 Kcal.</p> <p>+ Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày) 600 - 651 Kcal.</p> <p>- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa trưa, bữa phụ, bữa xế.</p> <p>- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm, chất béo, chất bột, nước uống...</p> <p>- Xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần, theo mùa.</p>
MT3	<p>- Trẻ được ngủ phù hợp theo chế độ.</p>	<p>- Luyện thói quen ngủ 1 giấc theo chế độ sinh hoạt. (Giấc ngủ sáng từ 140 - 150 phút).</p> <p><i>- Tập ngủ một mình, ngủ đúng tư thế.</i></p>
MT4	<p>- Trẻ được đi vệ sinh theo sự</p>	<p>- Làm quen với rửa tay, lau mặt</p>

	hướng dẫn của cô.	trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh cùng cô. - Tập cho trẻ “gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn. - Tập cho trẻ ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.
MT5	- Trẻ được Chăm sóc SK khi đến lớp.	- Cân, đo chiều cao, cân nặng, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực của trẻ mỗi tháng một lần. + Khám sức khỏe định kỳ theo qui định 02 lần/năm (dự kiến tháng 9/2023 và tháng 3/2024). - Có kế hoạch phối hợp CMHS và các biện pháp phù hợp phòng chống trẻ thừa cân, béo phì.
MT 6	- Trẻ được làm một số việc có sự giúp đỡ của người lớn.	- Tập gõ vào bàn ăn. - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. <i>- Đeo khẩu trang khi có người lớn giúp.</i>
MT 7	- Trẻ được an toàn khi đến lớp	- Đảm bảo an toàn cho trẻ. - Môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, đồ dùng đồ chơi dễ lấy, dễ sử dụng không sắc nhọn. <i>- Không giao trẻ cho người lạ, tôn trọng và yêu thương trẻ.</i>
II. Giáo dục		
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.2. Phát triển vận động		
a. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp		
MT8	- Trẻ biết thể bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước, sang ngang.	- Tập thu động - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên.

		- Chân: Ngồi chân dang sang 2 bên, nhắc cao từng chân, nhắc cao 2 chân.
b. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu		
MT9	- Trẻ biết tự đi tới chỗ cô (Khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn.	- Tập đi: + Đi giữ nách. + Đi giữ 2 tay. + Đi cầm tay cô. + Đi tới chỗ cô (Khi được gọi) hoặc tới chỗ trẻ muốn. + Đi theo hướng thẳng.
MT10	- Trẻ biết tập phối hợp các bộ phận của cơ thể trong vận động trườn, bò.	- Bò về phía trước. - Bò, trườn qua vật cản. - Bò theo bóng lăn/đồ chơi khoảng 2,5- 3 m.
MT11	- Trẻ biết thực hiện các vận động có sự phối hợp lăn, bắt bóng với cô.	- Ngồi lăn, bắt bóng bằng 2 tay (bóng to) với cô. - Ngồi tung bóng bằng hai tay (bóng to). - Lăn- bắt bóng với bạn. - Lăn bóng qua cổng.
c. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt		
MT12	- Trẻ biết thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay khi cầm, gõ, bóp, đập đồ vật.	- Xoay bàn tay và cử động các ngón tay. - Đóng, mở nắp không ren. - Gõ, đập, cầm, bóp đồ vật.
MT13	- Trẻ biết lồng, xếp chồng được 2- 3 hộp, khối.	- Tháo lắp, lồng hộp. - Lồng 2 - 3 hộp tròn (vuông) vào nhau từ nhỏ đến to. - Xếp chồng 2 - 3 khối.
2. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
2.1. Phát triển tình cảm		
MT14	- Trẻ biết nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh.	- Nhận biết tên gọi của mình. - Nhận ra bản thân trong gương/ảnh: chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi.
MT15	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích.	- Nhận biết đồ chơi yêu thích của mình.

MT16	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	<p>- Thể hiện những cử chỉ, âu yếm, quan tâm em bé.</p> <p>- Biểu lộ cảm xúc, thích giao tiếp bằng âm thanh, bằng cử chỉ, lời nói với người gần gũi.</p> <p><i>- Biểu lộ cảm xúc với người xung quanh như: Hớn hờ khi gặp mẹ, bố, ông, bà đón; Sợ hãi không theo người lạ đón....”</i></p> <p><i>- Hướng dẫn và khuyến khích trẻ bắt chước một số hành vi giao tiếp xã hội đơn giản như chào, tạm biệt, cảm ơn.</i></p>
MT17	- Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh	- Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi với những người xung quanh.
2.2. Phát triển kỹ năng xã hội		
MT18	- Trẻ biết chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	<p>- Chơi với đồ chơi yêu thích. Nói được tên một số đồ chơi yêu thích.</p> <p>- Thích quan sát một số con vật.</p> <p>- Thể hiện sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi và mọi thứ xung quanh trẻ.</p>
MT19	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	<p>- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn.</p> <p>- Tập nói: “A”, “ạ”.</p> <p><i>- Hướng dẫn và khuyến khích trẻ bắt chước một số hành vi giao tiếp xã hội đơn giản như chào, tạm biệt, cảm ơn.</i></p>
MT20	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội: bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại,..	- Bắt chước các hành vi của người lớn: Bế búp bê, cho búp bê ăn, cho búp bê ngủ, nghe điện thoại.
MT21	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của cô: Khoanh tay “ạ” cô; lấy quả bóng cho cô, lấy búp bê cho cô,...

2.3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ		
MT22	- Trẻ biết nghe hát và vận động theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. - Nghe âm thanh của các dụng cụ âm nhạc. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT23	- Trẻ biết vẽ, xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
3.1. Nghe		
MT24	- Trẻ biết nghe và hiểu, thực hiện các yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe, hiểu hành động theo yêu cầu: “ Chào - khoanh tay chào; Hoan hô - vỗ tay; tạm biệt - vẫy tay”. <i>- Chơi với các đồ vật, xem tranh, trò chơi dân gian.</i>
MT25	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: Mẹ đâu? Bà đâu? Con Vịt đâu?	- Nghe các câu hỏi: Mẹ đâu? Bà đâu? Con Vịt đâu?,... - Trả lời các câu hỏi: Mẹ đâu? Bà đâu? Con Vịt đâu? <i>- Nghe hiểu lời nói thông qua: trò chơi bắt chước.</i>
MT26	- Trẻ biết nghe các từ chỉ sự vật, đồ vật, các bài thơ/ca dao/chuyện kể đơn giản theo tranh.	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh. <i>- Nghe lời nói với các sắc thái tình cảm khác nhau.</i> <i>- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.</i>
3.2. Nói		

MT27	- Trẻ biết nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn.	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. <i>- Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau như: Meo meo; Bim bin; ta ta.....</i>
MT28	- Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.
MT29	- Trẻ biết nói được câu đơn 1-2 tiếng: Mẹ, bà, bố, con gà, con chó....	- Dạy trẻ nói các câu có 1- 2 tiếng đơn giản như: "uống", "măm măm", "đi, đi". - Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì? Cái gì? Làm gì?.
MT30	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản: Con uống nước, đi chơi, đi dép, ăn cơm,...
3.3. Làm quen với sách		
MT31	- Trẻ biết mở sách, xem tranh.	- Lật, mở các trang sách, tranh. - Xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh. <i>- Trò chuyện theo tranh.</i>
4. Giáo dục phát triển nhận thức		
4.1. Luyện tập và phối hợp các giác quan		
MT32	- Trẻ biết khám phá đồ vật, con vật và có thể nhận ra đồ vật quen thuộc.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất dấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. <i>- Tìm đồ vật, con vật dựa vào đặc điểm nổi bật.</i>

MT33	- Trẻ biết khám phá thế giới xung quang bằng các giác quan.	- Sờ, nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi một số hoa quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn.
4.2. Nhận biết		
MT34	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên gọi một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, tai, tay, chân.
MT35	- Trẻ biết chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
MT36	- Trẻ biết chỉ/lấy/nói tên một số phương tiện giao thông quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.
MT37	- Trẻ biết chỉ/lấy/nói tên hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu.	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa quả quen thuộc
MT38	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to- nhỏ.
<i>MT39</i>	<i>- Trẻ biết không khí vui vẻ của ngày tết.</i>	<i>- Ngày tết Nguyên Đán. - Đi chợ, đi chơi ngày tết.</i>
<i>MT40</i>	<i>- Trẻ Biết đặc điểm đơn giản nổi bật của thời tiết mùa hè, trang phục mùa hè.</i>	<i>- Một số đặc điểm đơn giản nổi bật của thời tiết mùa hè, trang phục mùa hè.</i>
MT41	- Trẻ nhận biết được 2 màu cơ bản: Đỏ - Xanh.	- Màu đỏ, màu xanh.
MT42	- Trẻ biết một số hiểu biết về bản thân của mình.	- Tên của bản thân. - Gọi tên và chỉ hình ảnh của bản thân trong gương. - Tên gọi đồ dùng, đồ chơi của bản thân.
MT43	- Trẻ biết bắt trước hành động đơn giản của những người	- Bắt chước hành động: Bế búp bê, xúc cho búp bê ăn, ru em ngủ.

	thân.	
MT44	- Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần như: phích nước nóng, bếp lửa, xô, bể, giếng nước khi được người khác nhắc nhở. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: sờ ổ điện, leo trèo lên bàn ghế, lan can, leo lên ghế cao, nghịch những vật nhọn, sắc khi được nhắc nhở.

2. Nhóm trẻ 24 - 36 tháng

MỤC TIÊU		NỘI DUNG
I. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe		
MT1	<p>MT1: - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</p> <p>+ Cân nặng:</p> <p>. Trẻ trai: 9,7 – 15,3 kg (trẻ 24 tháng); 11,3 - 18,3 kg (trẻ 36 tháng).</p> <p>. Trẻ gái: 9,1 – 14,8 kg (trẻ 24 tháng); 10,8 – 18,1 kg (trẻ 36 tháng).</p> <p>+ Chiều cao bình thường:</p> <p>. Trẻ trai: 81,7 – 93,9 cm (trẻ 24 tháng); 88,7 – 103,5 cm (trẻ 36 tháng).</p> <p>. Trẻ gái: 80,0 – 92,9 cm (trẻ 24 tháng); 87,4 – 102,7cm (trẻ 36 tháng).</p> <p><i>* Trẻ béo phì.</i></p> <p><i>* Trẻ thấp còi.</i></p> <p><i>* Trẻ suy dinh dưỡng.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kì 2 lần/ năm - Cân 3 tháng/lần. - Đo 3 tháng/lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo mẫu sổ quy định trong TT số 13/TTT-BYT-BGD ĐT ngày 12/5/2016. <p><i>- Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.</i></p> <p><i>- Phối hợp với nhà trường và CMHS thực hiện hiệu quả đề án “Sữa học đường” cho trẻ.</i></p>
MT2	- Trẻ được ăn theo chế độ,	- Trẻ ăn hai bữa chính, 01 bữa phụ.

	khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ làm quen với chế độ ăn cơm và các loại ăn khác nhau. * Chế độ ăn: <ul style="list-style-type: none"> - 24- 36 tháng: Cơm thường. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930- 1000 Kcal. + Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày) 600 - 651 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa trưa, bữa phụ, bữa xế. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm, chất béo, chất bột, nước uống... - Xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần, theo mùa.
MT3	- Trẻ được ngủ phù hợp theo chế độ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ 1 giấc theo chế độ sinh hoạt. (Giấc ngủ sáng từ 140- 150 phút). - Ngủ, thức đúng giờ.
MT4	- Trẻ được tự làm một số vệ sinh cá nhân khi có sự giúp đỡ, nhắc nhở của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - <i>Đeo khẩu trang phòng bệnh khi được nhắc nhở.</i>
MT5	- Trẻ được Chăm sóc SK khi đến lớp.	<ul style="list-style-type: none"> - Cân, đo chiều cao, cân nặng, theo dõi biểu đồ tăng trưởng, theo dõi sự phát triển thể lực của trẻ mỗi tháng một lần cân, đo. + Khám sức khỏe định kỳ theo qui

		<p>định 02 lần/năm (dự kiến tháng 9/2023 và tháng 3/2024).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch phối hợp CMHS và các biện pháp phù hợp phòng chống trẻ thừa cân, béo phì.
MT6	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ được làm một số việc có sự giúp đỡ của người lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xúc cơm, uống nước. - Đội mũ, mặc quần áo, đi dép, đi giày, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Chuẩn bị chỗ ngủ.
MT7	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ được biết một số nguy cơ không an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo an toàn cho trẻ. - Môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, đồ dùng đồ chơi dễ lấy, dễ sử dụng không sắc nhọn. - Không giao trẻ cho người lạ, tôn trọng và yêu thương trẻ.
II. Giáo dục		
1. Giáo dục phát triển thể chất		
1.2. Phát triển vận động		
a. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp		
MT8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước, sang ngang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
b. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu		
MT9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đi theo hướng thẳng và giữ được thăng bằng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đứng co một chân. - Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp.
MT10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đi được qua chướng ngại vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi có mang vật trên tay. - <i>Đi bước qua gậy kê cao 5 cm.</i> - <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo.</i> - <i>Đi bước vào các ô (vòng): 5- 6 ô</i>

		<i>(vòng)</i>
MT11	- Trẻ biết giữ được thăng bằng khi chạy.	- Chạy theo hướng thẳng (5- 7m). <i>- Chạy chậm.</i>
MT12	- Trẻ biết phối hợp nhịp nhàng các bộ phận cơ thể trong bò.	- Bò thẳng hướng có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản.
MT13	- Trẻ biết trườn được một đoạn ngắn.	- Trườn thẳng hướng. - Trườn qua vật cản. - Trườn chui qua cổng.
MT14	- Trẻ biết phối hợp tay, mắt để lăn bóng.	- Ngồi lăn bóng với cô. - Lăn bóng với bạn.
MT15	- Trẻ biết thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động.	- Tung bóng bằng 2 tay. - Tung bóng qua dây. - Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách từ 1,2m- 1,5m. - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích (đích xa 70 - 100cm). <i>- Đá bóng.</i>
MT16	- Trẻ biết nhún bật.	- Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng). <i>- Bật xa bằng 2 chân.</i>
<i>c. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt</i>		
MT17	- Trẻ biết vận động bàn tay, ngón tay.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Lật mở trang sách.
MT18	- Trẻ biết phối hợp được cử động của cổ tay, bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón, nhặt đồ vật. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6- 8 khối. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ tổ chim.
2. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
<i>2.1. Phát triển tình cảm</i>		

MT19	- Trẻ biết nói được một vài thông tin về mình khi được hỏi và biết thông tin về người thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. <i>- Tên gọi người thân và việc làm.</i>
MT20	- Trẻ biết thể hiện được những gì thích hay không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thể hiện điều mình thích và không thích. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
MT21	- Trẻ biết nhận biết được trạng thái cảm xúc.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi. <i>- Thái độ của trẻ khi gặp người khác thể hiện các cảm xúc đó.</i>
2.2. Phát triển kỹ năng xã hội		
MT22	- Trẻ biết thái độ lễ phép.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Giao tiếp với những người xung quanh.
MT23	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi đóng vai.	- Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
MT24	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật gần gũi, quen thuộc.	- Quan sát, gọi tên các con vật nuôi. - Quan tâm đến các vật nuôi. - Cho vật nuôi ăn. <i>- Bắt chước tiếng kêu của con vật (3 - 4 con vật).</i>
MT25	- Trẻ biết một số quy định của lớp.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
MT26	- Trẻ biết cách chơi với đồ chơi	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

	theo lứa tuổi.	- Nhận biết cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi của lớp.
MT27	- Trẻ biết một số yêu cầu của người lớn, thể hiện sự thích thú ngày tết được đi chúc tết ông bà.	- Đi chợ ngày tết. - Đi chơi ông bà, họ hàng ngày tết, chúc tết.
2.3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ		
MT28	- Trẻ biết chú ý lắng nghe các bản nhạc, bài hát, nhạc cụ phù hợp lứa tuổi.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. - Nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Chơi các trò chơi phát triển tai nghe.
MT29	- Trẻ biết tô màu, vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, vẽ nguệch ngoạc, di màu, nặn, xé, dán vò, xếp hình. - Chơi với đất nặn. - Xem tranh. - Rèn tư thế ngồi, cách cầm bút.
MT30	- Trẻ biết hát thuộc bài hát ngắn phù hợp với lứa tuổi.	- Hát các bài hát trong độ tuổi.
MT31	- Trẻ biết vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	- Tập vận động đơn giản theo nhạc: Giậm chân, vẫy tay, cuộn cổ tay, nhún nhảy theo nhạc, bài hát.
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
3.1. Nghe		
MT32	- Trẻ biết thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.	- Chăm chú lắng nghe người khác nói và hiểu lời nói đơn giản. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Ví dụ: “con cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.
MT33	- Trẻ biết nghe hiểu được các câu hỏi đơn giản phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.
MT34	- Trẻ biết được nghe và hiểu được nội dung của các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát và câu truyện ngắn,	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Nghe các giọng nói khác nhau, âm

	đơn giản.	<i>thanh phát ra từ các đồ vật quen thuộc.</i>
3.2. Nói		
MT35	- Trẻ biết phát âm rõ các âm, các tiếng bằng tiếng Việt.	- Phát âm rõ tiếng các âm tiếng Việt khác nhau.
MT36	- Trẻ biết sử dụng các từ đơn giản, câu ngắn.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT37	- Trẻ biết đọc được các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 đến 4 tiếng, tập kể đoạn chuyện có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nói câu dài 3- 4 từ. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 4 câu thơ, mỗi câu có 3 - 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Trả lời và đặt câu hỏi "cái gì?", "làm gì?", "ở đâu?", "thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"...
MT38	- Trẻ biết nói được câu đơn giản, câu có 4- 5 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 đến 2 câu đơn giản và câu dài.
MT39	- Trẻ biết sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?", "cái gì đây?"... - Nói to, đủ nghe, lễ phép. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
3. Làm quen với sách		
MT40	- Trẻ biết chú ý lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.

MT41	- Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Cầm sách đúng chiều, lật giở sách nhẹ nhàng, từng trang.
4. Giáo dục phát triển nhận thức		
4.1. Luyện tập và phối hợp các giác quan		
MT42	- Trẻ biết phán đoán và tìm ra đồ vật, con vật. Nhận ra cây cối xung quanh.	- Tìm đồ vật, con vật vừa mới cất giấu. - Tìm đồ vật, con vật dựa vào đặc điểm nổi bật (tiếng kêu). - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Nhận biết tên gọi và đặc điểm bên ngoài của cây cối.
MT43	- Trẻ biết quay lại phía có tiếng con vật kêu.	- Nghe tiếng kêu của con vật ở một số vị trí.
MT44	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ, nắn, nhìn, ngửi.... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua).
4.2. Nhận biết		
MT45	- Trẻ biết tên một số bộ phận của cơ thể.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Hình thành ở trẻ kỹ năng chăm sóc cơ thể. - Giáo dục trẻ sự đồng cảm, quan tâm đến người tàn tật.
MT46	- Trẻ biết tên một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi

		quen thuộc.
MT47	- Trẻ biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT48	- Trẻ biết được tên gọi và đặc điểm nổi bật của mùa hè.	- Tên gọi mùa hè. - Trang phục theo mùa. - Đặc điểm nổi bật về thời tiết, trang phục, lễ hội...
MT49	- Trẻ biết một số con vật, hoa, quả quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
MT50	- Trẻ nhận biết được một số màu cơ bản.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Các đồ dùng, đồ chơi có 3 màu xanh, đỏ, vàng.
MT51	- Trẻ nhận biết được to- nhỏ.	- Kích thước (to, nhỏ).
MT52	- Trẻ nhận biết được hình dạng.	- Hình tròn, hình vuông. - Sử dụng hình tròn, hình vuông để xếp hình.
MT53	- Trẻ nhận biết số lượng 1 - nhiều.	- Số lượng (một - nhiều).
MT54	- Trẻ biết xác định được vị trí trong không gian.	- Vị trí trong không gian: trên - dưới, trước - sau so với bản thân trẻ.
MT55	- Trẻ biết nhận ra đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.
MT56	- Trẻ biết tên của bản thân, tên và công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình, trên lớp.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Công việc của mình trong gia đình. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình, trong lớp. - Tên của cô giáo, các bạn nhóm/lớp.

MT57	- Trẻ biết một số đồ dùng học tập của lớp mẫu giáo.	- Nhận biết, gọi tên một số đồ dùng, đồ chơi của lớp mẫu giáo.
MT58	- Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn.	<p>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần như: phích nước nóng, bếp lửa, xô, bể, giếng nước khi được người khác nhắc nhở.</p> <p>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: sờ ổ điện, leo trèo lên bàn ghế, lan can, leo lên ghế cao, nghịch những vật nhọn, sắc khi được nhắc nhở.</p>

3. Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi

LĨNH VỰC	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE	A. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
	1. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
	MT1: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	<p>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.</p> <p>- <i>Tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau..).</i></p> <p>- <i>Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn.</i></p> <p>- <i>Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.</i></p>
	MT2: Trẻ biết sơ chế một số thực phẩm quen thuộc (các loại rau, củ, quả...).	- <i>Trẻ thực hành kỹ năng: Nhặt rau ngót, bóc trứng, bóc quả cam, vắt nước cam...</i>
MT3: Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- <i>Tên một số món ăn hằng</i></p>	

		<i>ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</i>
MT4: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - <i>Trẻ biết ăn hết xuất và ăn sạch sẽ, nhặt cơm rơi...</i>
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT5: Trẻ làm được một số việc đơn giản dưới sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần áo		<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Trẻ thay quần áo trang phục khi bị ướt, bẩn cùng người lớn. - Biết chủ động thay quần áo khi bị ướt bẩn dưới sự hướng dẫn của người lớn. - <i>Trẻ thực hiện được các kỹ năng đơn giản : Tháo, đeo tất, mặc và cởi quần áo.</i>
MT6: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		<ul style="list-style-type: none"> - Cách dùng ca, bát, cốc, thìa. - Tham gia chuẩn bị phòng ăn, bữa ăn, hình thành ở trẻ thói quen tự phục vụ. - Luyện tập một số thói quen vệ sinh, hành vi văn minh trong ăn uống. + <i>Tập xúc cơm, rót nước.</i> + <i>Tập đội mũ, mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.</i>
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		

	<p>MT7: Trẻ có một số thói quen và hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước</p>	<p>- Trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn, uống nước đã đun sôi...</p> <p><i>- Nhận biết được lợi ích của việc ăn chín, uống sôi.</i></p>
	<p>MT8: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</p> <p>+ Cân nặng:</p> <p>Trẻ trai: 12,7-21,2 kg.</p> <p>Trẻ gái: 12,3-21,5 kg.</p> <p>+ Chiều cao: Trẻ trai: 94,9-111,7 cm.</p> <p>Trẻ gái: 94,1- 111,3 cm.</p> <p><i>* Trẻ béo phì.</i></p> <p><i>* Trẻ thấp còi.</i></p> <p><i>* Trẻ suy dinh dưỡng.</i></p>	<p>- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.</p> <p>- Khám sức khỏe định kì: 2 lần/năm học.</p> <p>- Cân, đo: 3 tháng/lần.</p> <p>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo mẫu số quy định trong TT số 13/TTT-BYT-BGD ĐT ngày 12/5/2016.</p> <p><i>- Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.</i></p> <p><i>- Phối hợp với nhà trường và CMHS thực hiện hiệu quả đề án “Sữa học đường” cho trẻ thấp còi, SDD.</i></p>
	<p>MT9: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.</p> <p>- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</p>	<p>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p> <p>- Nhận biết trang phục theo thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện</p>

		<p>khi ốm.</p> <p><i>- Thực hành kỹ năng: Xử lý các bệnh thường gặp: Ốm sốt, đau tay, đau chân, ngã chảy máu...</i></p>
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
	<p>MT10: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng về các vật dụng trong gia đình dưới sự hướng dẫn của người lớn.</p> <p><i>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm không được đến gần: Ổ cắm điện, quạt đang quay, bàn là, phích nước nóng, bếp lửa, nồi cơm canh nóng, xô nước, thau nước ... khi được nhắc nhở.</i></p> <p><i>- Thực hành kỹ năng phòng tránh nguy hiểm: Bỏ nước nóng, điện giật...</i></p>
	<p>MT11: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng về ao, hồ, sông, suối dưới sự hướng dẫn của người lớn.</p>
	<p>MT12: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>- Không tự lấy thuốc uống.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
	<i>MT13: Trẻ có thể nhận biết được nơi nguy hiểm dưới sự hướng dẫn của người lớn.</i>	<i>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</i>
II. GIÁO DỤC		
1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	A, Phát triển vận động	
	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	<p>MT14: Trẻ có khả năng thực hiện các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: <ul style="list-style-type: none"> + Hít vào, thở ra <i>kết hợp sử dụng cụ.</i> - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi người về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên trước, bước sang ngang; Ngồi xổm; Đứng lên; Bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động		

	<p>MT15: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2). - Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp.
	<p>MT16: Trẻ có thể chạy được 15m theo hướng thẳng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
	<p>MT17: Trẻ đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.
	<p>MT18: Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).
	<p>MT19: Trẻ biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
	<p>MT20: Trẻ có thể tự đập, và bắt bóng được 3 lần liên: (đường kính 18cm).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.
	<p>MT21: Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay.
	<p>MT22: Trẻ thực hiện bật xa 20 cm - 25cm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20 - 25 cm.
<p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay,</p>		

	ngón tay, phối hợp tay- mắt	
	<p>MT23: Trẻ thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay. + <i>Đóng mở nắp có ren.</i> + <i>Tháo lắp được 3-4 hộp tròn, lồng hộp được 3-4 hộp tròn, vuông.</i> + <i>Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.</i> + <i>Vui sáng tạo cùng Lego.</i>
	<p>MT24: Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng các hình khối khác nhau.
	<p>MT25: Trẻ có thể biết tự cài, cởi cúc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cài, cởi cúc quần, áo dưới sự hướng dẫn của người lớn.
	<p>MT26: Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc - <i>Vạch các nét nguyệt xích ngoạc bằng ngón tay.</i>
	<p>MT27: Trẻ biết sử dụng kéo, bút để cắt thẳng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm kéo và cắt dưới sự hướng dẫn của cô.
<p>2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p>	<p>A, Khám phá khoa học</p> <p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p>	
	<p>MT28: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. + <i>Thời tiết, mùa: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ (đi lại, sức khỏe, ăn uống, vệ sinh...)</i> + <i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: Một số dấu hiệu nổi bật</i>

	<p><i>của ngày (trời sáng, có thể nhìn thấy mọi vật xung quanh) và đêm (trời tối, không nhìn thấy hoặc nhìn không rõ mọi vật)</i></p>
<p>MT29: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - <i>Hoạt động trò chơi: Tìm đồ vật vừa mới cất giấu, nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật...</i> - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật; hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn nhẵn - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua).
<p>MT30: Trẻ biết nói tên nhóm cây cối, con vật theo cô.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại tên nhóm cây được trò chuyện, quan sát. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
<p>MT31: Trẻ thích làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để biết vật chìm hay nổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - <i>Thực hành thí nghiệm “ Vật chìm, vật nổi”; sự phát triển của cây...</i>
<p>MT32: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: xem sách, tranh ảnh, và trò chuyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - <i>Thực hành kỹ năng tham gia</i>

về đối tượng.	<i>các phương tiện giao thông.</i>
MT33: Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo gợi ý của cô giáo. <i>- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.</i>
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT34: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT35: Trẻ biết bắt chước các anh chị để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Làm một nhiệm vụ đơn giản khi người lớn yêu cầu. <i>- Thực hành giải quyết các tình huống đơn giản...</i>
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT36: Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đồ dùng đồ chơi được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. <i>+ So sánh sự giống và khác nhau của 1-2 đồ dùng, đồ chơi.</i>
MT37: Trẻ thích nói tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.	- Dựa trên bài hát/câu chuyện quen thuộc nói tên theo cô giáo, các anh chị. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục
MT38: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	- Trẻ thích thể hiện một số điều quan sát được thông qua các hoạt động với sự giúp đỡ của cô giáo. <i>- Hoạt động đọc thơ, truyện, kể chuyện tại “góc thư viện”, “Góc nghệ thuật”... + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.</i>

		<p>+ <i>Kể lại sự việc.</i></p> <p>+ <i>Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.</i></p>
<p>B, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Nhận biết số đếm, số lượng</p>		
<p>MT39: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p>		<p>- Hay bắt chước cô giáo, các bạn đếm tự do, biểu thị kết quả đếm các đồ vật qua sử dụng các ngón tay để biểu thị.</p>
<p>MT40: Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p>		<p>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</p> <p>- 1 và nhiều.</p>
<p>MT41: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>		<p>- Khi cô giáo thêm, bớt nhóm đồ vật trong phạm vi 5 trẻ nói được từ bằng nhau/có nhiều hơn/ít hơn/.</p>
<p>MT42: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p>		<p>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</p>
<p>MT43: Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>		<p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</p>
<p>MT44: Trẻ biết sử dụng các ngón tay để biểu thị số lượng.</p>		<p>- Nhận biết số lượng và biểu thị qua các ngón tay.</p>
<p>MT45: Trẻ nhận các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày dưới sự giúp đỡ của cô.</p>		<p>Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).</p>
<p>2. Sắp xếp theo quy tắc (xếp tương ứng)</p>		
<p>MT46: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</p>		<p>- Xếp xen kẽ và sao chép lại. Theo mẫu.</p>

3. So sánh hai đối tượng (đo lường)	
MT47: Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
4. Nhận biết hình dạng	
MT48: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT49: Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
MT50: Trẻ nói được tên các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối qua sự hướng dẫn của cô.	- Nói theo cô các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
C. Khám phá xã hội	
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT51: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo
MT52: Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.

	<p>MT53: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>- Nói được địa chỉ gia đình. - <i>Giới thiệu về gia đình.</i></p>
	<p>MT54: Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo, đồ dùng đồ chơi của lớp. - <i>Tên các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</i></p>
	<p>MT55: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện dưới sự giúp đỡ của cô giáo.</p>	<p>- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p>
	<p>MT56: Trẻ nói được tên bạn trong lớp.</p>	<p>- Tên các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
<p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p>		
	<p>MT57: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.</p>	<p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. - <i>Nhận biết được nghề địa phương xã Đại Bình.</i></p>
<p>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</p>		
	<p>MT58: Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.</p>	<p>- Ngày lễ hội: 15/8; 20/11, 22/12, 8/3; 19/5; tết nguyên đán. - <i>Hoạt động của ngày hội đình “Đình Tràng Y” xã Đại Bình.</i> + <i>Hoạt động: Tết lễ, trò chơi đẩy gậy, bóng chuyền hơi, kéo co, bóng đá...</i></p>
	<p>MT59: Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.</p>	<p>- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. - <i>Thác Bạch Vân, Chùa Sâu, Đảo Đá Dung, di tích lịch sử Cột cờ, di tích lịch sử tại địa</i></p>

		<i>phương Xã Đại Bình: “Cột cờ - núi hira”.</i>
3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	1. Nghe hiểu lời nói	
	MT60: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu các câu đơn, câu mở rộng.
	MT61: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	MT62: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.</i>
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
	MT63: Trẻ nói rõ các tiếng. - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”
	MT64: Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
	MT65: Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc. <i>- Mô tả sự việc đơn giản có sự giúp đỡ.</i>
	MT66: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
	MT67: Trẻ biết kể lại truyện	- Kể lại một vài tình tiết của

đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
MT68: Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT69: Trẻ biết sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”;” Thưa”, ... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT70: Trẻ có thể nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với việc đọc - viết	
MT71: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
MT72: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT73: Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT74: Trẻ biết nhắc lại theo cô một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ).
MT75: Trẻ được tiếp xúc với	- Tiếp xúc với chữ, sách

	chữ qua nghe cô kể chuyện, đọc thơ có tranh minh họa.	truyện. <i>- Giữ gìn sách: Không làm nhàu, làm rách sách.</i>
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	1. Thể hiện ý thức về bản thân	
	MT76: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ nói được một số thông tin cơ bản cá nhân: Tên, tuổi, giới tính.
	MT77: Trẻ có khả năng nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
	MT78: Nói được đặc điểm của bản thân mình.	- Biết một số đặc điểm riêng của bản thân: Màu tóc, giọng nói, món ăn yêu thích...
	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
	MT79: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động: Tập thể dục, chơi tập thể, <i>hội thi, văn nghệ...</i> <i>- Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.</i>
	MT80: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi).	- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Hoàn thành công việc được giao. <i>- Thực hiện các công việc đơn giản được giao: chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...</i>
	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
	MT81: Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, qua giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
	MT82: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động.

	<p>MT83: Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</p>	<p>- Kính yêu Bác Hồ. - <i>Trẻ biết hình ảnh Bác Hồ, nơi làm việc của Bác, Lăng Bác Hồ.</i></p>
	<p>MT84: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>	<p>- Chú ý lắng nghe kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác Hồ. - Thích xem tranh ảnh về Bác Hồ.</p>
	<p>MT85: Trẻ thích quan sát cảnh đẹp của quê hương đất nước.</p>	<p>- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - <i>Nhận ra những cảnh đẹp tại Đầm Hà qua video, phóng sự: Thác bạch vân, đảo đá dựng, rừng cò - cột cò núi hươu.</i></p>
<p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p>		
	<p>MT86: Thực hiện được một số công việc ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi vào nơi quy định, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.</p>	<p>- Một số quy định ở lớp và gia đình (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).</p>
	<p>MT87: Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...</p>	<p>- Cử chỉ lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - <i>Thực hành kỹ năng: Chào - hỏi, xin lỗi - cảm ơn, xếp hàng chờ lượt...</i></p>
	<p>MT88: Chú ý nghe khi cô, bạn nói.</p>	<p>- Nhận biết hành vi “đúng - sai”, “tốt - xấu”.</p>
	<p>MT89: Biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ</p>	<p>- Chơi hòa thuận với bạn.</p>
	<p>MT90: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...) dưới sự giúp đỡ</p>	<p>- Chờ đến lượt.</p>

	của cô.	
	5. Quan tâm đến môi trường	
	MT91: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây..	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	MT92: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	MT 93: Trẻ có khả năng phân loại rác thải để bảo vệ môi trường xung quanh dưới sự giúp đỡ của người lớn.	- Phân loại rác thải: Rác vô cơ, rác hữu cơ, rác tái chế.
	MT94: Trẻ không bẻ cành, bứt hoa khi được người lớn nhắc nhở.	- Trẻ không ngắt lá, cành, bẻ hoa biết bảo vệ môi trường khi được nhắc nhở.
	MT95: Biết khóa nước sau khi rửa tay.	- Tự giác khóa chặt vòi nước khi rửa tay xong. - Tiết kiệm điện nước.
5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT96: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT97: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).
	MT98: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. <i>- Lựa chọn các nguyên vật liệu</i>

dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	<i>mở thân thiện với môi trường.</i>
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT99: Trẻ có thể hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. <i>- Hát dưới hình thức đa dạng: Đọc rap, hát bè...</i>
MT100: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu câu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT101: Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT102: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng dụng cụ bút sáp màu, giấy vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo ra sản phẩm. Nhận xét sản phẩm tạo hình.
MT103: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT104: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Chơi với đất nặn, làm quen với một số cách nặn đơn giản. tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT105: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp những sản phẩm có cấu trúc đơn giản, xếp chồng, xếp cạnh, xếp bằng các hạt hạt.
MT106: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT107: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
MT108: Trẻ biết tạo ra các	- Tham gia vào hoạt động tạo

	sản phẩm theo ý thích.	hình theo ý thích để tạo ra sản phẩm. <i>- Sử dụng các nguyên vật liệu mở để trẻ thực hiện sản phẩm tạo hình đơn giản.</i>
	MT109: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nêu ý định tạo hình của mình và cách làm. Đặt tên cho sản phẩm của mình.
	MT110: Trẻ được tiếp cận tích hợp phương pháp giáo dục Steam vào trong một số hoạt động hàng ngày.	- Tăng cường cho trẻ được trải nghiệm thực hành, sáng tạo: Học qua dự án, trò chơi, thực hành.

4. Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi

LĨNH VỰC	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
	B, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
	1. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE	MT1: Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
	MT2: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
	MT3: Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Các bữa ăn trong ngày: sáng, trưa, tối. - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng,

	béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT4: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Trẻ thay quần áo trang phục khi bị ướt, bẩn cùng người lớn. - Tự thay quần áo ướt, bẩn để vào đúng nơi qui định. <i>- Sử dụng khẩu trang đúng cách để phòng dịch bệnh Covid-19.</i>
MT5: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cách sử dụng đồ dùng ăn uống: ca, cốc, thìa... - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT6: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
MT7: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng:	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kì: 2

	<p>Trẻ trai: 14,1-24,2 kg Trẻ gái: 13,7-24,9 kg. + Chiều cao: Trẻ trai: 100,7-119,2 cm. Trẻ gái: 99,9-118,9 cm.</p> <p><i>* Trẻ béo phì.</i> <i>* Trẻ thấp còi.</i></p> <p><i>* Trẻ suy dinh dưỡng.</i></p>	<p>lần/năm học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân, đo: 3 tháng/lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo mẫu sổ quy định trong TT số 13/TTT-BYT-BGD ĐT ngày 12/5/2016. - <i>Có kế hoạch và biện pháp phối hợp với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.</i> - <i>Phối hợp với nhà trường và CMHS thực hiện hiệu quả đề án “Sữa học đường” cho trẻ thấp còi, SDD.</i>
	<p>MT8: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - <i>Sử dụng đồ dùng cá nhân để phòng chống dịch bệnh Covid-19.</i>
<p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p>		

	<p>MT9: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p>	<p>- Có ý thức và nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng các vật dụng trong gia đình: bàn là, bếp đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần.</p> <p>- Biết các vật sắc nhọn: dao, kéo, que...</p>
	<p>MT10: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>	<p>- Có ý thức và nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước, giếng...</p>
	<p>MT11: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Các hành động nguy hiểm: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ, uống rượu, bia, cà phê; tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn, ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>
	<p>MT12: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ; biết một số nguồn nhiệt, vật dụng dễ cháy, nổ. Biết cách phòng tránh</p>	<p>- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- <i>Nhận biết các nguồn nhiệt, nguồn lửa, vật dụng dễ cháy và cách phòng tránh.</i></p> <p>- <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện chữa cháy</i></p>

		<p><i>(chuông báo cháy, xe chữa cháy) và có hành động phù hợp.</i></p> <p><i>- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm: lốc xoáy, nước lũ, cháy.</i></p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>
<p>II. GIÁO DỤC</p>	<p>A, Phát triển vận động</p> <p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p>	

<p>1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</p>	<p>MT13: Trẻ có khả năng thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<p>- Hô hấp: + Hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</p> <p>- Lưng, bụng lườn: + Cúi người về phía trước ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.</p> <p>- Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</p>
<p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</p>		
<p>MT14: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.</p>	<p>- Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bằng gót chân. - Đi khuyu gối.</p>	
<p>MT15: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p>	<p>- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p>	
<p>MT16: Trẻ kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc)..</p>	<p>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.</p>	

	MT17: Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động tung bắt bóng với người đối diện (bắt được 3 lần liên không rơi bóng) (khoảng cách 3 m).	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện.
	MT18: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
	MT19: Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Ném trúng đích ngang (xa 2m).
	MT20: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.
	MT21: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động chạy.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10giây. - Chạy chậm 60 - 80m.
	MT22: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
	MT23: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng.
	MT24: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động trèo.	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. -Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
	MT25: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.
	MT26: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập vận động nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 3m.

	3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt.	
	MT27: Trẻ thực hiện được các vận động cuộn - xoay tròn cổ tay.	- Cuộn - xoay tròn cổ tay.
	MT28: Trẻ Thực hiện được các vận động gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
	MT29: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động vẽ hình người, nhà, cây.	- Vẽ hình người, nhà, cây.
	MT30: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Cách cầm kéo và cắt theo các nét thẳng.
	MT31: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.	- Xếp hình, lắp ráp các hình bằng các khối.
	MT32: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động tết sợi đôi.	- Tết sợi đôi.
	MT33: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. - Xâu, luồn, buộc dây.
2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	A, Khám phá khoa học 1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
	MT34: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “vì sao lá cây bị	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.

<p>ưót”?... MT35: Trẻ biết về các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể.</p>	<p>- Tên gọi, chức năng của các giác quan. - Tên gọi, chức năng của các bộ phận trên cơ thể. - Cách bảo vệ các bộ phận trên cơ thể.</p>
<p>MT36: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của hai con vật, cây, hoa, quả.</p>
<p>MT37: Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của các cây cối, hoa quả...</p>	<p>- Tên gọi, đặc điểm, lợi ích của các loại cây cối, hoa quả - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.</p>
<p>MT38: Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu đặc điểm của các phương tiện giao thông.</p>	<p>- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.</p>
<p>MT39: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>- Một số thí nghiệm với nước: vật chìm - vật nổi, các chất tan, không tan trong nước, pha màu, gieo hạt...</p>
<p>MT40: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>	<p>- Quan sát, nhận xét, trò chuyện về một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát sỏi, không khí, ánh sáng... - không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p>
<p>MT41: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p>	<p>- Phân cây, hoa quả, con vật, đồ dùng đồ chơi, các phương tiện giao thông theo 1-2 dấu</p>

	hiệu
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT42: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước, ích lợi, đặc điểm, tính chất, nguyên nhân gây ô nhiễm và cách bảo vệ nguồn nước. - Làm thí nghiệm với nước (Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/ mặn hơn”).
MT43: Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT44: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau về đồ dùng, đồ chơi được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác và giống nhau của 2 loại hoa quả, cây, đồ dùng đồ chơi - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT45: Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thể hiện tham gia vào các hoạt động với sự gợi ý của cô giáo. - Chơi các hoạt động ở góc: âm nhạc và tạo hình...
B, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
1. Nhận biết số đếm, số lượng	
MT46: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT47: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

	<p>MT48: Trẻ biết: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>- Khi cô giáo thêm, bớt nhóm đồ vật trong phạm vi 10 trẻ nói được từ bằng nhau/nhiều hơn/ít hơn.</p>
	<p>MT49: Trẻ biết: gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p>	<p>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</p>
	<p>MT50: Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.</p>	<p>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</p>
	<p>MT51: Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</p>	<p>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</p>
	<p>MT52: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p>	<p>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).</p>
<p>2. Sắp xếp theo quy tắc (xếp tương ứng)</p>		
	<p>MT53: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.</p>	<p>- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.</p>
<p>3. So sánh hai đối tượng</p>		
	<p>MT54: Trẻ có thể sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.</p>	<p>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. <i>- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ của 1 nhóm đối tượng theo 2 dấu hiệu về màu sắc - kích thước</i> <i>+ Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ của 1-1-1-1 của 2 nhóm đối tượng.</i> <i>- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ 1-2-1-2 của 2 nhóm đối tượng</i> <i>- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ</i></p>

		<p><i>2-2-2-2 của 2 nhóm đối tượng</i></p> <p><i>- Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ của 3 nhóm đối tượng</i></p>
4. Đo lường		
MT55: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.		<p>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</p> <p>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo.</p>
5. Nhận biết hình dạng		
MT56: Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....)		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT57: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		- Chắp ghép các hình hình học tạo thành các hình theo ý thích và theo yêu cầu.
6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT58: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT59: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
C, Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT60: Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT61: Trẻ có thể nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.

	đình.	Một số nhu cầu của gia đình.
	MT62: Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được địa chỉ gia đình.
	MT63: Trẻ có thể nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp.
	MT64: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	MT65: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
	MT66: Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.		
	MT67: Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Ngày lễ hội: 15/8; 20/11, 22/12, 8/3; 19/5 tết nguyên đán.
	MT68: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Tên, đặc điểm, các hoạt động của một số lễ hội. - Tên và đặc điểm của một số lễ hội của địa phương: <i>+ Một số ngày lễ hội trong năm và lễ hội Đình Đầm Hà: Đình Tràng Y xã Đại Bình;</i> <i>+ Hoạt động: Tết lễ, trò chơi đẩy gậy, kéo co, bóng đá...</i>
	MT69: Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của danh lam	- Tên, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam,

	<p>thắng cảnh của quê hương đất nước, địa phương.</p>	<p>thắng cảnh của quê hương, đất nước:</p> <p><i>- Thủ đô Hà nội; Cờ Tổ quốc, Chùa Một cột; Hồ hoàn kiếm</i></p> <p><i>- Vịnh Hạ Long, Chùa Cái Bầu...</i></p> <p><i>- Thác Bạch Vân, Chùa Sâu, Di tích lịch sử Cột Cờ, Rừng Cò, Núi Hứa...</i></p>
	<p>MT70: Trẻ biết hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</p>	<p><i>- Trẻ biết hình ảnh Bác Hồ, nơi làm việc của Bác, Lăng Bác Hồ.</i></p> <p><i>- Trẻ biết ngày sinh nhật Bác là 19/5.</i></p>
<p>3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p>	<p>1. Nghe hiểu lời nói</p>	
	<p>MT71: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p>	<p>- Nghe hiểu và làm theo 2,3 yêu cầu liên tiếp. ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</p>
	<p>MT72: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</p>	<p>- Nghe hiểu các từ khái quát về đồ vật, con vật quen thuộc, cây cối, hiện tượng tự nhiên, phương tiện giao thông quen thuộc.</p>
	<p>MT73: Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ bằng tiếng Việt.</p>	<p><i>- Nghe kể kể chuyện, đọc truyện, đọc thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè ...về các chủ đề.</i></p>
	<p>MT74: Trẻ chú ý lắng nghe trao đổi với người đối thoại.</p>	<p>- Chăm chú lắng nghe người khác nói.</p> <p>- Không ngắt lời; nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Đưa ra ý kiến của mình với người đối thoại.</p>
<p>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</p>		

	<p>MT75: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói lên nhu cầu, sở thích của bản thân trẻ. - Kể chậm lại, nhắc lại khi người nghe chưa rõ.
	<p>MT76: Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói các từ chỉ đặc điểm, công dụng, hoạt động của một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông, dụng cụ một số nghề, một số con vật, cây cối. - Kể lại các sự việc theo trình tự thời gian; các câu chuyện, sự việc hiện tượng đã gặp, đã xảy ra ra gần gũi xung quanh.
	<p>MT77: Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - <i>Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu khẳng định, câu phủ định cảnh đẹp quê hương, hiện tượng thời tiết... bằng tiếng việt.</i>
	<p><i>MT78: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự bằng tiếng việt.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Kể lại các câu truyện đã được nghe về trường lớp, đồ dùng, đồ chơi,...bằng tiếng việt</i>
	<p><i>MT79: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... bằng tiếng việt</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Đọc thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò, vè,.....có nội dung về các chủ đề</i>
	<p>MT80: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
	<p>MT81: Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng kịch.
	<p>MT82: Trẻ biết sử dụng các từ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ

<p>như “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi” ...trong giao tiếp.</p>	<p>phép.</p>
<p>MT83: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Điều chỉnh giọng nói phù hợp: nói đủ nghe, không nói to, không lí nhí, nói nhỏ nơi công cộng.</p>
<p>3. Làm quen với việc đọc - viết</p>	
<p>MT84: Trẻ biết chọn sách để xem.</p>	<p>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Chọn sách theo ý thích. - Xem tranh và mô tả lại hành động các nhân vật trong tranh.</p>
<p>MT85: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.</p>	<p>- Gọi tên, mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.</p>
<p>MT86: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).</p>	<p>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</p>
<p>MT87: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...</p>	<p>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ).</p>
<p>MT88: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...</p>	<p>- Tập tô, đồ các chữ cái. - Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ</p>

		- Làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	1. Thể hiện ý thức về bản thân	
	MT89: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Trẻ nói được một số thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Tên, tuổi, giới tính của bản thân. + Nói được tên bố, tên mẹ.
	MT90: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, điều bé có thể làm được.	- Nói sở thích, những việc bé có thể làm được và không làm được.
	MT91: <i>Nói được đặc điểm của mình và của bạn khác.</i>	- <i>Biết đặc điểm riêng của bản thân mình và đặc điểm của các bạn khác.</i>
	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
	MT92: Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi, trẻ yêu thích để chơi.
	MT93: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi).	- Thực hiện các công việc được giao: xếp đồ chơi gọn gàng, chia thìa, chia bút, vở, xếp gói, ghế... - Một số hoạt động lao động: nhật rác, lau lá cây...
	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
	MT94: Trẻ biết nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh của người khác với bản thân và mọi người xung quanh. - Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh của

		người khác trước các sự vật, hiện tượng.
MT95: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT96: Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		- Kính yêu Bác Hồ. Nhận ra lăng Bác khi được xem hình ảnh.
MT97: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		- Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.
MT97: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.		- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Vịnh Hạ Long, bãi biển Đảo đá dựng...hội đình Tràng Y, Tết nguyên đán, giỗ tổ Hùng Vương, Tết trung thu, Ngày khai giảng, Ngày Quốc Khánh 2/9, 20/11, 22/12, Tết thiếu nhi...
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT99: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi qui định; trật tự khi ăn, khi ngủ; chờ đến lượt khi xếp hàng..., đi bên phải lề đường, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy... <i>- Hành vi, ứng xử khi tham gia giao thông đường bộ.</i> <i>- Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông nơi công cộng.</i>
MT100: Trẻ biết nói lời cảm		- Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép: vâng, dạ, cảm ơn, xin

	on, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	lỗi...
	MT101: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý lắng nghe ý kiến của người khác.
	MT102: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt xếp hàng tập thể dục, rửa tay. - Hợp tác cùng bạn khi chơi...
	MT103: Trẻ biết biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Hợp tác cùng bạn: hoạt động chơi, hoạt động học, ăn, ngủ, trực nhật... - Phân công trực nhật, dọn đồ chơi. - Quan tâm giúp đỡ bạn.
5. Quan tâm đến môi trường		
	MT104: Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối: không đánh đập, cho vật nuôi ăn; nhổ cỏ, nhặt lá vàng rơi, tưới nước cho cây. - Phân biệt được hành vi đúng - sai, tốt - xấu.
	MT105: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Không vứt rác bừa bãi; hái hoa, bẻ cành; bắt nạt bạn, hút thuốc lá nơi công cộng... - Giữ gìn vệ sinh môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định.
	MT 106: Trẻ có khả năng phân loại rác thải để bảo vệ môi trường xung quanh dưới sự giúp đỡ của người lớn.	- <i>Phân loại rác thải: Rác vô cơ, rác hữu cơ, rác tái chế.</i>
	MT107: Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- Biết không bẻ cành, bứt hoa.
	MT108: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước sạch. - Một số cách tiết kiệm điện: Tắt điện, tắt quạt, sau khi sử dụng. - Các nguyên tắc sử dụng điện an toàn. - Các hành vi, thái độ tiết

		kiệm điện.
5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT109: Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm. - Thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh từ các bản nhạc, bài hát, tiếng nhạc cụ và âm thanh xung quanh.
	MT110: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, truyện kể, bài hát, bản nhạc không lời, nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca về các chủ đề phù hợp với độ tuổi... thể hiện cảm xúc và hưởng ứng theo các bản nhạc, bài hát, bài thơ... - Thích nghe và kể câu chuyện, đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ về chủ đề và thể hiện cảm xúc khi đọc, kể.
	MT111: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
	2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT112: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc	- Hát đúng giai điệu, lời ca; hát rõ lời các bài hát về chủ đề	

	thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sắc thái, tình cảm qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ khi hát các bài hát về trường lớp, bản thân, gia đình, nghề nghiệp, quê hương đất nước, Bác Hồ...
	MT113: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa).	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
	MT114: Trẻ biết phối các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - <i>Lựa chọn các nguyên vật liệu mở thân thiện với môi trường.</i> - <i>Hạn chế dùng nguyên vật liệu từ nhựa, túi ni lông để làm đồ chơi.</i>
	MT115: Trẻ biết phối hợp các nét vẽ thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dụng cụ bút sáp màu, giấy vẽ các nét thẳng, xiên ngang, cong tròn tạo ra sản phẩm. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
	MT116: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</i>
	MT117: Trẻ biết làm lốm, dỗ	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự chọn đất nặn làm các kỹ</i>

	<i>bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</i>	<i>năng làm lờm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong thao tác với đất nặn để tạo ra các sản phẩm.</i>
	MT118: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Lựa chọn và sử dụng các vật liệu để xếp các “công trình” có cấu trúc phức tạp.
	MT119: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
	MT120: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Trẻ tự tạo ra tiết tấu khi nghe nhạc, nghe hát bằng cách gõ đệm bằng dụng cụ gõ. - Nghe nhạc và vận động tự do theo sự cảm nhận âm nhạc của riêng mình.
	MT121: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Tham gia vào hoạt động tạo hình theo ý thích để tạo ra sản phẩm.
	MT122: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nêu ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
	MT123: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tự đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.
	MT124: Trẻ được tiếp cận tích hợp phương pháp giáo dục Steam vào trong một số hoạt động hàng ngày.	- Tăng cường cho trẻ được trải nghiệm thực hành, sáng tạo: Học qua dự án, trò chơi, thực hành.

5. Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC	A, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE	MT1: Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... - Trẻ biết kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. + Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hằng ngày. + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
	MT2: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh. + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. + Tự rửa tay bằng xà phòng. + Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. + Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
	MT3: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày. (CS16)	- Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. - Sạch: không còn xà phòng.
	MT4: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. (CS17)	- Lấy tay che miệng, quay đầu ra phía sau, khi có phản ứng ho, hắt hơi, ngáp.
	MT5: Trẻ biết giữ đầu tóc,	- Có ý thức giữ gìn đầu tóc, quần áo

	quần áo gọn gàng. (CS18)	gọn gàng, sạch sẽ. + Tụ chải đầu cho bản thân và cho bạn. + Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. + Tụ thay quần áo ướt, bần để vào đúng nơi qui định. + Xóc lại quần áo khi bị xô xệch.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
	MT6: Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe. (CS20)	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. + Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch... - Không ăn, uống những thức ăn đó.
	MT7: Trẻ có một số thói quen tốt trong ăn uống	<i>- Tập luyện nên nếp thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn, nhai kỹ, không làm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn,... để bát, cốc đúng nơi qui định sau khi ăn, uống.</i>
	MT8: Trẻ biết cất bát, thìa đúng quy định sau khi ăn	<i>- Trẻ tự cất bát thìa vào rổ.</i>
	MT9: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Cân nặng: Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg + Chiều cao: Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm. <i>* Trẻ béo phì. * Trẻ thấp còi.</i>	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kì: 2 lần/năm - Cân đo: Cân, đo: 3 tháng/lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. <i>- Có kế hoạch và biện pháp phối hợp</i>

	<p><i>* Trẻ suy dinh dưỡng.</i></p>	<p><i>với phụ huynh trong việc phòng chống béo phì và suy dinh dưỡng thấp còi cho trẻ.</i></p> <p><i>- Phối hợp với nhà trường và CMHS thực hiện hiệu quả đề án “Sửa học đường” cho trẻ thấp còi, SDD.</i></p>
<p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p>		
	<p>MT10: Trẻ biết nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. (CS21)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (phích nước, ổ cắm, dao, càn cây...) - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm. - Không sử dụng những đồ vật đó.
	<p>MT11: Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS22)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu một số khu vực có thể gây nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, dưới lòng đường, ao hồ). - Biết được tác hại của số việc nguy hiểm. - Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế hoặc nhờ người lớn làm giúp.
	<p>MT12: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. (CS25) 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....Biết không tự uống thuốc. Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết tránh một số trường hợp không an toàn. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Khi gặp nguy hiểm (bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...): + Kêu cứu. + Gọi người lớn. + Nhờ bạn gọi người lớn. + Hành động tự bảo vệ.
	<p>MT13: Trẻ không đi theo,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các tình huống khi được

	không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (CS24)	người lạ cho quà khi không được bố mẹ, cô giáo cho phép. + Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân. + Người lạ rủ đi thì không theo.
	MT14: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (CS26)	- Nhận biết biển cấm hút thuốc và tìm hiểu thuốc lá với sức khỏe của con người. Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời hút thuốc lá là độc/hại. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình, ví dụ như: + Chú đừng hút thuốc vì có hại. + Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người. + Chú ơi! hút thuốc sẽ bị ho/ốm...đầy...Tránh chỗ có người hút thuốc.
II. GIÁO DỤC 1. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	B, Phát triển vận động 1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
	MT15: Trẻ tập đúng các động tác động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái sang phải - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.

2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT16: Trẻ biết đi, đi thẳng bằng được trên ghế thể dục: (2m x 0,25 x 0,35) (CS11)	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Khi bước lên ghế không mất thăng bằng. + Khi đi mắt nhìn thẳng. + Giữ được thăng bằng hết chiều dài của ghế.
MT17: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (CS12)	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp chân tay nhịp nhàng. - Chạy được 18 mét liên tục trong vòng 5 giây - 7 giây.
MT18: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian. (CS13)	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy với tốc độ chậm, đều, Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy được 150 mét liên tục. - Đến đích vẫn tiếp tục đi bộ được 2 - 3 phút. - Không có biểu hiện quá mệt mỏi: thở dồn, thở gấp, thở hển hển kéo dài.
MT19: Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m. + Bò đích zắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6 m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 0,6m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
MT20: Trẻ biết chuyền và bắt bóng. - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tự đập và bắt bóng bằng 2 tay (CS10) - Trẻ biết đi, kết hợp đập và bắt bóng này 4-5 lần liên tiếp. 	
	<p>MT21: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS3)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay Di chuyển theo hướng bóng bay để bắt bóng. - Bắt được bóng bằng 2 tay, không ôm bóng vào ngực. + Đi chuyển theo hướng bóng bay để bắt bóng. + Bắt được bóng bằng 2 tay, không ôm bóng vào ngực.
	<p>MT22: Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm. (CS1)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật nhảy bằng cả 2 chân. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân và giữ được thăng bằng. - Nhảy qua tối thiểu 50 cm + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm.
	<p>MT23: Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40cm. (CS2)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy đà và bật nhảy xuống. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân. - Giữ được thăng bằng khi chạm đất.
	<p>MT24: Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS9)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5m. - Biết đổi chân mà không dừng lại. - Biết dừng lại theo hiệu lệnh. - Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước.
	<p>MT25: Trẻ biết trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (CS4)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo qua ghế dài 1,5x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang + Trèo lên xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (Hai chân không bước vào một bậc thang).

		<ul style="list-style-type: none"> + Trèo lên, xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (hai chân không bước vào một bậc thang). + Trèo xuống tự nhiên, không cúi đầu nhìn xuống chân khi bước xuống. + Trèo lên thang ít nhất được 1,5 mét.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt		
<p>MT26: Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (CS14) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Tham gia hoạt động tích cực. - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật,... 	
<p>MT27: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo, quần. (CS5)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cài, cởi cúc, kéo khoá, khâu, luồn, buộc dây. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khoá. - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần. 	
<p>MT28: Trẻ biết tham gia một số trò chơi vận động và trò chơi dân gian phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi vận động. - Trò chơi dân gian. 	

	<p>MT29: Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. (CS6)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bút đúng: Bằng ngón trỏ và ngón cái đỡ bằng ngón giữa. + Tô, đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chòem ra ngoài.
	<p>MT30: Trẻ biết: Cắt theo đường viền thẳng và cong của một số hình đơn giản. (CS7)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Cắt theo đường thẳng, vòng cung. + Cắt được hình, không bị rách. + Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.
	<p>MT31: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. (CS8)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bôi hồ phía sau tờ giấy, dán hình không bị nhăn bị nhăn.. - Bôi hồ đều. - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.
<p>2. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p>	<p>A, Khám phá khoa học 1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p>	
	<p>MT32: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	<p>MT33: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (CS96)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3

	dấu hiệu.
MT34: Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT35: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (CS92)	- Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây. - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
MT36: Trẻ có thể nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (CS93)	- Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh. - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng...)
MT37: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT38: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT39: <i>Mùa</i> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa xuân, hè, thu, đông. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

	<p>hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p> <p>- Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (CS94)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
	<p>MT40: Trẻ nhận biết được các mùa thông qua dấu hiệu đặc trưng của thời tiết và sự vật hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Biết được ích lợi của các mùa trong năm.</i> - <i>Trẻ biết mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</i>
	<p>MT41: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình. - Tô mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về các sự vật hiện tượng “Tại sao có mưa”.
	<p>MT42: Trẻ có thể hay đặt câu hỏi. (CS112)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học.
	<p>MT43: Trẻ biết sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
	<p>MT44: Nhận xét được đặc điểm tính chất của nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu: Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật cây. - Quan sát, trò chuyện về các nguồn nước. - Tìm hiểu về các nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn Các nguồn nước trong môi trường sống (ao, Hồ, sông, Suối, Biển...) và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.

<p>MT45: <i>Không khí, ánh sáng</i> Trẻ có thể biết Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
<p>MT46: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, cát, sỏi, đá. - Giải thích mối quan hệ nguyên nhân, kết quả trong cuộc sống hàng ngày. (CS114)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đặc điểm tính chất của đất, cát, sỏi đá và Ích lợi đối với đời sống con người. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...”
<p>MT47: Trẻ có thể thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (CS113)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới). - Hay hỏi về những thay đổi/mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”. - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/thích robot, thích búp bê...)
<p>MT48: <i>Trẻ thực hiện được một số thí nghiệm đơn giản và phán đoán kết quả.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thí nghiệm: Gieo hạt, vật chìm vật nổi, sự biến đổi màu sắc.....</i> - <i>Phán đoán kết quả.</i> - <i>Ghi chép lại kết quả theo cách của mình.</i>
<p>MT49: Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (CS117)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên bài hát/câu chuyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê đen, dê trắng trẻ “Mèo đen, mèo trắng”, thay hành động húc nhau bằng cào nhau...)
<p>MT50: Trẻ biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (CS118)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.

		- Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn.
MT51: Trẻ có khả năng thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (CS119)		- Là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. - Xây dựng những công trình từ những khối khác nhau. - Có những vận động minh họa, múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.
MT52: Trẻ biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. (CS120)		- Tự đặt ra các câu thơ. - Tự đặt/bịa câu chuyện. - Đặt tên mới/mở đầu/tiếp tục/kết thúc câu chuyện theo cách khác.
B, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT53: Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).
MT54: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Trẻ có thể Nhận biết các số trong phạm vi 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (CS104).		- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được.
MT55: Trẻ biết: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau,		- Mọi quan hệ hơn kém trong phạm vi 10.

nhiều hơn, ít hơn.	
<p>MT 56: Trẻ biết: Gộp Tách bằng các cách khác nhau các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.</p> <p>- Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (CS105)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách một nhóm thành hai nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau. - Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v..v..) - Nói được nhóm nào có nhiều hơn/ít hơn/ bằng nhau.
2. Sắp xếp theo quy tắc (xếp tương ứng)	
<p>MT 57: Trẻ có khả năng ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</p> <p>- Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (CS115)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng. - Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác. - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
<p>MT58: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.</p> <p>- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.</p> <p>- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp</p> <p>- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS116)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. (mẫu) và sao chép lại. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. - Tạo ra qui tắc sắp xếp. - Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.
3. So sánh hai đối tượng (đo lường)	
<p>MT59: Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước).

	<p>quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đặt thước đo liên tiếp.
4. Nhận biết hình dạng		
	<p>MT60: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (CS107) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc/kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v..v..). - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
	<p><i>MT61: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</i> - <i>Chắp ghép các hình hình học thành phương tiện giao thông đơn giản.</i>
	<p>MT62: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái

	<p>với một vật khác. (CS108)</p>	<p>tử ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..) - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...)
	<p>MT63: Trẻ biết gọi tên các ngày, các thứ trong tuần theo thứ tự. (CS109)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. (CS110) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..) - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà. - Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/mẹ dặn ngày mai làm việc gì.
	<p>MT64: Nói ngày trên lịch lịch và giờ chẵn trên đồng hồ. (CS111)</p>	<p>Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..)
<p>A, Khám phá xã hội</p> <p>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</p>		
	<p>MT65: Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân, và của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.

đình.		
<p>MT66: Trẻ nói địa chỉ gia đình và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện..</p> <p>- Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97).</p>		<p>- Nói được Địa chỉ gia đình.</p> <p>- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.</p> <p>- Nói tên công việc của các cô bác trong trường.</p> <p>- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/trường học/nơi mua sắm/khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.</p>
<p>MT67: Trẻ có thể nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>		<p>- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
<p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p>		
<p>MT68: Trẻ có thể nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.”</p> <p>- Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)</p>		<p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó.</p>
<p>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</p>		
<p>MT69: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”</p> <p>- Trẻ có thể kể tên và nêu</p>		<p>- Tên, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước:</p> <p>- <i>Thủ đô Hà nội; Cờ Tổ quốc, Chùa Một cột; Hồ Hoàn Kiếm</i></p> <p>- <i>Vịnh Hạ Long, Chùa Bái Bửu...</i></p> <p>- <i>Thác Bạch Vân, Chùa Sâu, Đảo Đá</i></p>

	<i>một vài đặc điểm của danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước, địa phương.</i>	<i>Dựng, di tích lịch sử Cột cờ, Rừng Cò Núi Hứa xã Đại Bình...</i>
	<i>MT70: Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, đặc điểm, các hoạt động của một số lễ hội. - Tên và đặc điểm của một số lễ hội của địa phương: + Một số ngày lễ hội trong năm và lễ hội ở huyện Đàm Hà: Lễ hội Đình Đàm hà; Lễ hội Đình Tràng Y... + Hoạt động: Tết lễ, trò chơi đẩy gậy, bóng chuyền hơi, kéo co, bóng đá...
	<i>MT71: Trẻ biết hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết hình ảnh Bác Hồ, nơi làm việc của Bác, Lăng Bác Hồ. - Trẻ biết ngày sinh nhật Bác là 19/5.
3. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	1. Nghe hiểu lời nói	
	MT72: Trẻ có khả năng nhận được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui khi buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. (CS61)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện (ví dụ chuyện Bác gấu Đen và hai chú thỏ, Cây táo thần...) - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.
	MT73: Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Trẻ hiểu được những lời nói và chỉ

	<p>bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.</p> <p>- Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động. (CS62)</p>	<p>dẫn của giáo viên, hiểu được những câu phức và phản ứng lại bằng những hành động hoặc phản hồi tương ứng..</p> <p>- Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...).</p> <p>- Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).</p>
	<p>MT74: Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).</p> <p>- Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi. (CS63)</p>	<p>- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.</p> <p>- Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả khi có yêu cầu.</p> <p>- Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Sau đó hỏi trẻ:</p> <p>+ Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì?.</p> <p>+ Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì?.</p> <p>+ Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì?.</p> <p>+ Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?.”</p> <p>- Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ</p>

		của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)..
	<p>MT75: Trẻ có thể nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao dành cho lứa tuổi. (CS64)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, đơn giản (ví dụ: Rau thì là là, Tại sao đuôi thỏ lại ngắn, Hai gấu con qua cầu, Chú dê đen...) - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện.và tính cách nhân vật chính trong câu chuyện ngắn không quen thuộc sau khi được nghe kể chuyện. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đúng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự...
	<p>MT76: Trẻ biết lắng nghe và nhận ra ý kiến của người đối thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật

	đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
MT77: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh, nói rõ ràng. (CS65)	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Balô của chú cháu ở đâu”). - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được
MT78: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày. (CS66)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,... thông dụng trong cuộc sống. - Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy...) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh.
MT79: Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. - Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS67)	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý. - Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...
MT80: Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, .. của nhân vật.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc theo trình tự. - Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về

	<p>- Trẻ có thể kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được. (CS70)</p>	<p>một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
	<p>MT81: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...</p> <p>- Trẻ có thể Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS85)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa (VD nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp, trẻ nói “Cháu có một chiếc xe đạp, nhưng xe của cháu màu đỏ và to hơn”). - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ nói “Quyển truyện này là truyện về Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn”. - Nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện.
	<p>MT82: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.</p> <p>- Trẻ biết kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyên theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
	<p>MT83: Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện.</p> <p>- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS68)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại truyện đã được nghe. Kể chuyện qua tranh, đóng kịch. - Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người

	<p>khác hiểu được ý của bản thân..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.
MT84: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69)	- Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong hoạt động học.
MT85: Trẻ biết Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống. - Trẻ sử dụng một số từ chào hỏi lễ phép phù hợp với tình huống. (CS77)	<ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào”....
MT86: Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (CS72)	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác. - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT87: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ

<p>- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. (CS73)</p>	<p>ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt.</p> <p>- Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.</p>
<p>MT88: Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác (CS75)</p>	<p>- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.</p> <p>- Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...</p> <p>- Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.</p>
<p>MT89: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)</p>	<p>- Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gì là di sáo sậu, “di” nghĩa là gì?).</p> <p>- Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.</p>
<p>MT90: Trẻ biết không nói tục, chửi bậy. (CS78)</p>	<p>- Trẻ biết Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, những câu nói văn minh lịch sự.</p>
<p>3. Làm quen với việc đọc - viết</p>	
<p>MT91: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (CS79)</p>	<p>- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách.</p> <p>- Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?)</p> <p>- Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,..</p> <p>- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp.</p> <p>- Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết).</p> <p>- Quan tâm, hỏi về chữ viết trong</p>

		<p>sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
	<p>MT92: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách (CS80)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
	<p>MT93: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (CS81)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
	<p>MT94: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống. (CS82)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các ký hiệu về đồ dựng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo. - Biết được kí hiệu về thời tiết. - Biết và tạo được tên của trẻ. - Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo,

		<p>chữ viết, cầm hút thuốc, cột xăng...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các nhãn hàng hóa. - Trẻ có khả năng liên tưởng sau khi xem truyện tranh hay các biểu tượng thông dụng và hiểu được nghĩa mà chúng truyền tải.
	<p>MT95: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách. (CS83)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chỉ và nói được tên các phần sau của sách khi được yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Trang bìa sách, các trang sách. + Lời (chữ) trong sách, tranh minh họa. + Tên sách. + Tên tác giả. + Bắt đầu và kết thúc. - Cầm cuốn sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giở trang sách từ phải sang trái, từng trang một. - Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều
	<p>MT96: Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS84)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc. - Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ. - Nói được nghĩa của một số từ quen thuộc. - Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân để trong các hoạt động đọc/ kể chuyện. - Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi “Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?”
	<p>MT97: Trẻ biết chữ viết có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh,

	<p>thể đọc và thay cho lời nói. (CS86)</p>	<p>chữ viết, số, ký hiệu...để thay thế cho lời nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”). - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
	<p>MT98: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (CS87)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ. - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
	<p>MT99: Trẻ thích bắt chước hành vi và sao chép từ, chữ cái. (CS88)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
	<p>MT100: Trẻ biết “Viết” tên</p>	<p>Sao chép tên của bản thân theo trật</p>

	của bản thân theo cách của mình. (CS89)	tự cố định trong các hoạt động. - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới.
	MT101: Trẻ biết chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. (CS90)	- Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giở các trang từ phải qua trái.
	MT102: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (CS91)	- Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng. - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	1. Thể hiện ý thức về bản thân	
	MT103: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (CS27)	- Trẻ nói được một số thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: + Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. + Địa chỉ nhà. + Số điện thoại củ gia đình, bố, mẹ...
	MT104: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. (CS28)	- Biết chọn và giải thích được lý do chọn trang phục phù hợp với giới tính. - Biết bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được

	đề nghị.
<p>MT105: Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.</p> <p>- Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. (CS29)</p>	<p>- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</p> <p>- Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/vì con còn bé quá... Hoặc con có thể giúp mẹ xếp quần áo hoặc trông em, hoặc vẽ đẹp hoặc hát hay,...)</p>
<p>MT106: Trẻ có khả năng đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. (CS30)</p>	<p>- Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi và hoạt động mà mình thích.</p>
<p>MT107: Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.</p> <p>- Thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè (CS50)</p>	<p>- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.</p> <p>- Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp).</p> <p>- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ.</p>
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực	
<p>MT108: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.</p> <p>- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng. (CS31)</p>	<p>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</p> <p>- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.</p> <p>- Nhanh chóng triển khai công việc.</p> <p>- Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.</p> <p>- Hoàn thành công việc được giao.</p>
<p>MT109: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. (CS32)</p>	<p>- Thể hiện sự vui mừng khi hoàn thành xong công việc được giao: hoàn thành sản phẩm tạo hình, giúp</p>

		cô xếp đồ chơi, lau giá đồ chơi, phơi khăn.
MT110: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. - Chủ động làm một số việc đơn giản hàng ngày. (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi). (CS33)		- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn: + Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. + Tự rửa tay trước khi ăn. + Tự chuẩn bị đồ dùng/đồ chơi cần thiết cho hoạt động. + Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
MT111: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (CS34)		- Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT112: Trẻ có khả năng nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. (CS35)		- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT113: Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt. (CS36)		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ.
MT114: Thực hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (CS37)		- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình, có những biểu hiện: - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ.

		<ul style="list-style-type: none"> - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó.
	<p>MT115: Trẻ biết Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. (CS38)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. - Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non...
	<p>MT116: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. (CS44)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
	<p>MT117: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. (CS39)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối, thân thuộc. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn. - Kêu lên khi thấy một cành cây non hoặc bông hoa bị gãy nát, con vật thân thuộc bị đau hay chết.
	<p>MT118: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...). Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ, Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	<p>MT119: Trẻ có khả năng thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hoặc bị ốm. - Có thái độ ý thức trong giờ học. - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường.

		- Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi phải ra trường.
MT120: Trẻ biết kiềm chế được cảm xúc, tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)		- Biết chần tẫn và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá. - Biết sử dụng lời nói cảm xúc, tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hằng ngày.
MT121: Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi. (CS42)		- Trẻ biết Nhanh chóng hoà nhập vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ thoải mái.
MT122: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi. (CS43)		- Chủ động đến nói chuyện.Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT123: Trẻ biết sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. (CS45)		- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
MT124: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (CS47)		- Tuân theo trật tự, chờ tới lượt tham gia hoạt động. - Trong các trường hợp trẻ biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác.. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm..
MT125: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác. (CS48) khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.		- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Biết lắng nghe ý kiến của bạn.(Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói).

	<p>MT126: Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn. (CS49)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn.. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
	<p>MT127: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS51)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cũng nhóm.
	<p>MT128: Trẻ biết Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (CS52)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.
	<p><i>MT129: Biết chia sẻ và hoàn thành nhiệm vụ hàng ngày cùng bạn.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <i>- Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè trong khi chơi, học.</i> <i>- Hoạt động nhóm, thảo luận nhóm.</i> <i>- Phân công nhiệm vụ nhóm.</i> <i>- Chia sẻ, giúp đỡ các thành viên trong cùng nhóm.</i>
	<p>MT130: Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và lễ phép với người lớn. (CS54)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, méu chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi.
	<p>MT131: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. (CS55)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...).

		<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. - Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.
	MT132: Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. (CS59)	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). - Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau).
	MT133: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (CS60)	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ. - Nêu được cách tạo lại sự công bằng. - Có mong muốn lập lại sự công bằng.
	MT134: Trẻ có khả năng nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. (CS53)	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác. - Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào.
5. Quan tâm đến môi trường		
	MT135: Trẻ biết nhận xét	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi

	được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. (CS56)	“đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Mô tả được các hành vi đúng/ sai khi ứng xử với môi trường xung quanh.
	MT136: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày. (CS57)	- Thể hiện được các hành vi đúng với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hằng ngày: - Biết giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường. - Tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng..
	MT137: Trẻ có khả năng phân loại rác thải để bảo vệ môi trường xung quanh.	- <i>Phân loại rác thải: Rác vô cơ, rác hữu cơ, rác tái chế.</i>
	MT138: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân. (CS58)	- Tự nhận và nói được khả năng, sở thích của bạn bè và một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon).
	MT139: Có nhóm bạn chơi thường xuyên. (CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
	MT140: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm nước sạch. - Một số cách tiết kiệm điện: Tắt điện, tắt quạt, đài, ti vi, máy tính sau khi sử dụng. - Các nguyên tắc sử dụng điện an toàn. - Các hành vi, thái độ tiết kiệm điện.
5. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
	MT141: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. Sử dụng nhiều loại vật liệu để

<p>dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.</p> <p>- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS102)</p>	<p>làm ra 1 loại sản phẩm.</p> <p><i>- Lựa chọn các nguyên vật liệu mở thân thiện với môi trường.</i></p> <p><i>- Hạn chế dùng nguyên vật liệu từ nhựa, túi ni lông để làm đồ chơi.</i></p>
<p>MT142: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)</p>	<p>Đặt tên cho sản phẩm</p> <p>- Trả lời được câu hỏi con vẽ /nặn/xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?</p> <p>- Phối hợp các kỹ năng, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục.</p>
<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p>	
<p>MT143: Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.</p>
<p>MT144: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.</p>	<p>- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</p>
<p>MT145: Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.</p>	<p>- Tự lựa chọn, tìm kiếm, sử dụng các cách nặn khác nhau, và nặn một cách có sáng tạo.</p>
<p>MT146: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.</p>	<p>- Tự chọn tìm kiếm các nguyên vật liệu khác nhau, sử dụng các cách xếp khác nhau và xếp một cách có sáng tạo để xếp “công trình”.</p>

	<p>MT147: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
	<p>MT148: Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	<p>MT149: Trẻ có thể nhận ra sắc thái vui buồn của bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. (CS99):</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe bản nhạc/bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/bài hát nào là vui hoặc buồn. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
	<p>MT150: Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em. (CS100)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
	<p>MT151: Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS101)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc, các làn điệu dân ca Việt Nam. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p>		
	<p>MT152: Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu.
	<p>MT153: Trẻ biết đặt lời</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt lời theo giai điệu một bài hát,

	theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu, hoặc 1 đoạn).	bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
	MT154: Trẻ được tiếp cận tích hợp phương pháp giáo dục Steam vào trong một số hoạt động hàng ngày.	- Tăng cường cho trẻ được trải nghiệm thực hành, sáng tạo: Học qua dự án, trò chơi, thực hành.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

*** NHÀ TRẺ:**

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

2. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

3. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

4. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

*** MẪU GIÁO**

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao

động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xuyên vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

IV. DỰ KIẾN THỜI GIAN, CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

1. Nhóm trẻ 18-24 tháng tuổi

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé đi nhà trẻ	3 tuần Từ 05/09 đến 27/9/2024	<i>Tết trung thu 15/8 ÂL</i>
2	Đồ chơi của bé	4 tuần Từ 30/9 đến 25/10/2024	<i>Ngày phụ nữ VN 20/10</i>
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	3 tuần Từ 28/10 đến 15/11/2024	

4	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần Từ 18/11 đến 13/12/2024	<i>Ngày nhà giáo VN 20/11</i>
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần Từ 16/12 đến 10/01/2024	<i>Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam Giáng sinh, đêm Noen, tết dương lịch</i>
6	Bé vui đón tết và mùa xuân	4 tuần Từ 13/01 đến 21/02/2025	<i>Tết cổ truyền Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (Lịch âm 28/12 đến 11/01/2025)</i>
7	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần Từ 24/02 đến 21/3/2025	<i>Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3</i>
8	Bé thích đi bằng PTGT gì	3 tuần Từ 24/3 đến 11/4/2025	
9	Mùa hè vui vẻ	3 tuần Từ 14/4 đến 02/5/2025	<i>Giỗ tổ Hùng vương 10/3 Ngày giải phóng Miền Nam, quốc tế lao động</i>
10	Bé lên mẫu giáo	3 tuần Từ 05/5 đến 23/5/2025	<i>Ngày sinh nhật Bác Hồ Vui tết thiếu nhi</i>

2. Nhóm trẻ 24- 36 tháng tuổi

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé đi nhà trẻ	3 tuần Từ 05/09 đến 27/9/2024	<i>Tết trung thu 15/8 ÂL</i>
2	Đồ chơi của bé	4 tuần Từ 30/9 đến 25/10/2024	<i>Ngày phụ nữ VN 20/10</i>
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	3 tuần Từ 28/10 đến 15/11/2024	

4	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần Từ 18/11 đến 13/12/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần Từ 16/12 đến 10/01/2024	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam Giáng sinh, đêm Noen, tết dương lịch
6	Bé vui đón tết và mùa xuân	4 tuần Từ 13/01 đến 21/02/2025	Tết cổ truyền Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (Lịch âm 28/12 đến 11/01/2025)
7	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần Từ 24/02 đến 21/3/2025	Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Bé thích đi bằng PTGT gì	3 tuần Từ 24/3 đến 11/4/2025	
9	Mùa hè với bé	3 tuần Từ 14/4 đến 02/5/2025	Giỗ tổ Hùng vương 10/3 Ngày giải phóng Miền Nam, quốc tế lao động
10	Bé lên mẫu giáo	3 tuần Từ 05/5 đến 23/5/2025	Ngày sinh nhật Bác Hồ Vui tết thiếu nhi

3. Lớp Mẫu giáo 3- 4 tuổi

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường mầm non	4 tuần Từ 05/09 đến 04/10/2024	Ngày hội đến trường Tết trung thu 15/8 ÂL
2	Bản thân bé	3 tuần Từ 07/9 đến 25/10/2024	Tết trung thu
3	Gia đình của bé	4 tuần Từ 28/10 đến 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11

4	Những nghề bé biết	4 tuần Từ 25/11 đến 20/12/2024	<i>Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12</i>
5	Những con vật yêu thích	4 tuần Từ 23/12 đến 17/01/2025	<i>Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam Giáng sinh, đêm Noen, tết dương lịch</i>
6	Ngày Tết và mùa xuân	3 tuần Từ 20/01 đến 21/02/2025	<i>Nghỉ tết từ ngày 27/01 đến hết ngày 08/02/2025 (tức ngày 28/12 đến hết ngày 11/01/2025 ÂL)</i>
7	Thế giới thực vật	4 tuần Từ 24/02 đến 21/3/2025	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 8/3</i>
8	Giao thông	3 tuần Từ 24/3 đến 11/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3 tuần Từ 14/4 đến 02/5/2025	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3 tuần Từ 05/5 đến 23/5/2025	<i>Ngày sinh nhật Bác Hồ</i>

4. Lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường mầm non	4 tuần Từ 05/09 đến 04/10/2024	<i>Ngày hội đến trường Tết trung thu 15/8 ÂL</i>
2	Bản thân bé	3 tuần Từ 07/10 đến 25/10/2024	<i>Tết trung thu</i>
3	Gia đình của bé	4 tuần Từ 28/10 đến 22/11/2024	<i>Ngày nhà giáo VN 20/11</i>

4	Những nghề bé biết	4 tuần Từ 25/11 đến 20/12/2024	<i>Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12</i>
5	Những con vật yêu thích	4 tuần Từ 23/12 đến 17/01/2025	<i>Giáng sinh, đêm Noen, tết dương lịch</i>
6	Ngày Tết và mùa xuân	3 tuần Từ 20/01 đến 21/02/2025	<i>Nghỉ tết từ ngày 27/01 đến hết ngày 08/02/2025 (tức ngày 28/12 đến hết ngày 11/01/2025 ÂL)</i>
7	Thế giới thực vật	4 tuần Từ 24/02 đến 21/3/2025	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 8/3</i>
8	Giao thông	3 tuần Từ 24/3 đến 11/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3 tuần Từ 14/4 đến 02/5/2025	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3 tuần Từ 05/5 đến 23/5/2025	<i>Ngày sinh nhật Bác Hồ</i>

5. Lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi

TT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Trường mầm non	3 tuần Từ 05/09 đến 27/9/2024	<i>Tết trung thu</i>
2	Bản thân	3 tuần Từ 30/9 đến 18/10/2024	
3	Gia đình của bé	4 tuần Từ 21/10 đến 15/11/2024	<i>Ngày phụ nữ VN 20/10</i>
4	Những nghề bé	4 tuần	<i>Ngày nhà giáo VN 20/11</i>

	biết	Từ 18/11 đến 13/12/2024	
5	Những con vật yêu thích	4 tuần Từ 16/12 đến 10/01/2025	<i>Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 Giáng sinh, đêm Noen, tết dương lịch</i>
6	Ngày tết và mùa xuân	2 tuần Từ 13/01 đến 24/01/2025	<i>Nghỉ tết từ 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025 (Lịch âm 28 /12 đến hết 11/01/2025)</i>
7	Thế giới thực vật	3 tuần Từ ngày 10/02 đến 28/02/2025	
	Giao thông	4 tuần Từ 03/3 đến 28/3/2025	<i>Ngày quốc tế phụ nữ 8/3</i>
8	Nước và hiện tượng tự nhiên	3 tuần Từ 31/3 đến 18/4/2025	
9	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3 tuần Từ 21/4 đến 09/5/2025	<i>Ngày giải phóng Miền Nam, quốc tế lao động</i>
10	Trường tiểu học	2 tuần Từ 12/5 đến 23/5/2025	<i>Ngày sinh nhật Bác Hồ</i>

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ban giám hiệu

Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên TT51/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai

và tạo điều kiện để cha mẹ học sinh, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

2. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của Sở, phòng và trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có).

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

3. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024- 2025. Đề nghị tất cả giáo viên nghiên cứu và thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc báo cáo về nhà trường để điều chỉnh bổ sung kịp thời./.

**DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**



**Đinh Thị Nhàn
HIỆU TRƯỞNG**

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ

Chu Thị Thủy